TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy.

Ông Nguyễn Tuyễn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 233/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Lan P, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 13, ấp C1, xã G, huyện GD, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Trần Hồng L, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Tạm trú: ấp B, xã P1, huyện GD, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Đỗ Thị Lan P trình bày: Chị cùng chồng là anh Trần Hồng L chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ngày cưới vợ chồng được cha mẹ hai bên cho nữ trang là dây chuyền, nhẫn, đôi bông; đã lâu nên chị không nhớ trọng lượng. Số nữ trang này hiện không còn, do nhẫn cưới và đôi bông thì vợ chồng bán, còn dây chuyền thì mẹ chồng mượn để bán trả nợ, hiện vẫn chưa trả; chị không có yêu cầu gì với số vàng này.

Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình chồng ở ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Đến năm 2015 vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, phần chị cũng có mâu thuẫn với mẹ chồng, cùng với việc đang nuôi con nhỏ, nên chị về nhà cha mẹ ruột ở xã G huyện GD sống cho đến nay. Lúc đầu chồng chị khoảng 02 đến 03 tháng có đến thăm con 01 lần. Chị có năn nỉ chồng về bên gia đình chị để sống cùng với chị nhưng chồng chị không đồng ý, với lý do cha mẹ chồng sống ở H chồng chị không thể bỏ đi được. Đến năm 2018 thì vợ chồng mạnh ai nấy sống và không còn quan tâm nhau cho đến nay. Hiện chồng đang đi làm công nhân ở Khu công nghiệp P1, huyện GD. Thỉnh thoảng chồng chị có đến thăm con nhưng vợ chồng không bàn đến việc hàn gắn gia đình vì không nói chuyện với nhau. Hiện vợ chồng đã hết tình cảm vì đã sống xa nhau thời gian dài, chồng chị không còn sự quan tâm và thương yêu vợ con.

Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh A, sinh ngày 29-12-2014. Hiện đang sống với chị.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Nay về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hồng L.

Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Minh A; chị không yêu cầu chồng chị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ghi ngày 12-7-2021, bị đơn anh Trần Hồng L trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị P. Theo anh, vợ chồng mâu thuẫn do thường xuyên cải vã, anh không lo lắng và chăm sóc vợ con đầy đủ. Anh chấp nhận theo tất cả các yêu cầu của chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận chị P và anh L là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung cho chị P nuôi, ghi nhận chị P không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh L chung sống vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của anh chị không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Cho nên, khi chị P yêu cầu ly hôn, mặt dù anh L đồng ý. Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị. Trường hợp của anh chị, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với các điều 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Minh A, sinh ngày 29-12-2014, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đỗ Thị Lan P và anh Trần Hồng L là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao chị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Minh A, sinh ngày 29-12-2014. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P chịu 300.000 đồng án. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0013028 ngày 06-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị P đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh